TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 01 – 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ghên

Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 597/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lại Thị Hồng P, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh Phạm Lê H, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số 201A/1, KV 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị P có mặt, anh H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lại Thị Hồng P trình bày: Chị và anh Phạm Lê H là vợ chồng cưới nhau từ năm 2013, đến ngày 13/11/2013 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2020 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cải vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, không quan tâm đến nhau, anh H ham chơi cờ bạc không lo lắng làm ăn. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Lê H.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh H có 02 con chung tên Phạm H, sinh ngày 25/12/2013 và Phạm T, sinh ngày 11/7/2018. Hiện con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị P xác định chị và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P xác định chị và anh H không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2021, bị đơn anh Phạm Lê H thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh H xác nhận có 02 con chung như chị P trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Phạm H và Phạm T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh H xác định anh và chị P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lại Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Lê H. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Anh H hiện đang cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Phạm Lê H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lại Thị Hồng P:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Lại Thị Hồng P và anh Phạm Lê H tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 112/2013 đăng ký ngày 13/11/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị P và anh H có phát sinh mâu thuẫn. Chị P yêu cầu được ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị P và anh H là có thật, cả chị P và anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh H là có cơ sở, nên chấp nhận xử cho chị P được ly hôn với anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Phạm H, sinh ngày 25/12/2013 đã đủ 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với chị P. Đối với con chung tên Phạm T, sinh ngày 11/7/2018 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Xét thấy, hiện tại cháu T đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng và anh H cũng đồng ý giao cháu T cho chị P nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở yêu cầu của chị P, ý kiến anh H và ý kiến của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần tiếp tục giao 02 con chung là cháu Phạm H, sinh ngày 25/12/2013 và cháu Phạm T, sinh ngày 11/7/2018 cho chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, đúng với nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản chung: Ghi nhận chị P và anh H xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị P và anh H xác định không có nợ chung, Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Lại Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 207, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị Hồng P.

1. Về hôn nhân: Chị Lại Thị Hồng P được ly hôn với anh Phạm Lê H.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lại Thị Hồng P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Phạm H, sinh ngày 25/12/2013 và Phạm T, sinh ngày 11/7/2018. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị P không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lại Thị Hồng P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008876 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chị P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn Đức Hòa;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc